

Số: 111/2022/QĐST-HN&GD

Phổ Yên, ngày 28 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 142/2022/TLST-HN&GD, ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh Đào Thanh T, sinh năm 1991;

ĐKHKT: Xóm 2, xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên;

Bị đơn: Chị Phạm Thị Thu N, sinh năm 1998;

ĐKHKT: Xóm 2, xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2022;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đào Thanh T và chị Phạm Thị Thu N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đào Thanh T và chị Phạm Thị Thu N xác định tình cảm vợ chồng không còn, khó có cơ hội đoàn tụ xây dựng cuộc sống chung. Đồng nhất trí thoả thuận thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Anh Đào Thanh T và chị Phạm Thị Thu N xác định quá trình chung sống có 01 con chung: cháu Đào Thị Ngọc H, sinh ngày 19/8/2017. Anh T, chị N thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau:

Giao con chung: cháu Đào Thị Ngọc H, sinh ngày 19/8/2017, cho chị Phạm Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc anh T tự nguyện thỏa thuận có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Đào Thị Ngọc H cùng chị N mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Thời điểm thực hiện cấp dưỡng: Kể từ tháng 6/2022 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc khi chị N có thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Về lãi suất khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị N thỏa thuận tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật trong trường hợp anh Tân không nộp tiền cấp dưỡng theo thỏa thuận ghi nhận, khi chị N có đơn đề nghị thi hành án.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. *Về tài sản chung*: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

2.4. *Về nợ chung, khoản cho vay chung*: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

2.5. *Về án phí*: Anh Đào Thanh T và chị Phạm Thị Thu N thỏa thuận: anh Tân tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng hai khoản là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Anh T được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002242 ngày 06/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên. Xác nhận đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND T.P Phổ Yên;
- THADS T.P Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND xã Phúc Xuân, T.P Thái Nguyên
(Số ĐKKH: 05 ngày 03/02/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà